TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN H
THÀNH PHỐ H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/ DSST
Ngày: 26/06/2024
Về việc: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN H, THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà H
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Mh
Bà Trần Thị Kim D

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thanh V– Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận H, thành phố H.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hoàng P - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 06 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân quận H, thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 56/2024/TLST-DS ngày 19/03/2024 về việc: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST-DS ngày 28/05/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2024/QĐST-DS ngày 14/06/2024 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng S (Sacombank); Địa chỉ: 266-268 N, phường V, quận 3, Thành phố H;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D- Chức vụ : Tổng Giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: Công ty S(Công ty SBA) - Giấy ủy quyền số Giấy ủy quyền số 2535A/2022/GUQ- PL ngày 12/10/2022; Địa chỉ nhận thông báo: 278 phường V, quận 3, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc T- Chức vụ : Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H- nhân viên xử lý nợ(Theo Giấy ủy quyền số 353/2023/UQ- TGĐ ngày 20/02/2023). Có mặt

- ***Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1990; HKTT: Căn hộ 1438. Tòa nhà HH1C, L, phường H, quận H, H; Cư trú: 256/143 N, phường T, quận H, H.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1].Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn,bản tự khai cũng như tại Biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Ngân hàng S và Bị đơn- Bà Nguyễn Thị T đều thống nhất trình bày:

Ngày 15/01/2018, Bà Nguyễn Thị T có ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đối với Ngân hàng S. Căn cứ thu nhập của Bà T, Ngân hàng S đã cấp thẻ tín dụng số thẻ số thẻ 436438-1327 với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là **753.786.541** đồng. Bà T đã thanh toán cho Ngân hàng S số tiền **713.000.000** đồng (Thứ tự thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, kể từ ngày chuyển nợ quá hạn sẽ thanh toán theo thứ tự gốc trước, lãi sau) .

Do Bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 01/12/2019 Ngân hàng S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Lãi suất quá hạn: (2.6% x 150%)= 3.9%/tháng.

Tính đến ngày 27/05/2024, Bà T còn nợ Ngân hàng S số tiền cụ thể sau:

- Nợ gốc: 59.074.115 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 125.945.440 đồng

Tổng dư nợ: 185.019.555 đồng (Bằng chữ: Một trăm tám mươi năm triệu, không trăm mười chín nghìn, năm trăm năm mươi năm đồng)

Ngân hàng S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Bà Nguyễn Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng S số tiền còn nợ là: 185.019.555 đồng. Bà T tiếp tục phải thanh toán khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 28/05/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị T xác nhận khoản nợ trên và đề nghị Ngân hàng S cho Bà T được thanh toán khoản nợ gốc trong thời hạn 01 năm. Đề nghị Ngân hàng miễn toàn bộ khoản nợ lãi.

Ngoài ra, Ngân hàng S , Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết vần đề gì khác.

[2]. Tại phiên tòa:

[2.1].Ngân hàng S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với Hợp đồng thẻ tín dụng số thẻ 436438-1327 đã được ký kết giữa Ngân hàng và Bà Nguyễn Thị T.

Ngân hàng S yêu cầu Tòa án buộc Bà Nguyễn Thị T phải thanh toán khoản nợ của thẻ tín dụng trên tính đến ngày xét xử 26/06/2024 số tiền cụ thể sau:

Nợ gốc: 59.074.115 đồng

Nợ lãi quá hạn: 128.249.320 đồng

Tổng dư nợ: 187.323.435 đồng.

Bà T tiếp tục phải thanh toán khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 27/06/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[2.2] Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa

***]2.3]. Đại diện Viện kiểm sát nhân quận H tham gia phiên tòa có quan điểm*:**

- *Về việc tuân theo Pháp luật của thẩm phán, của HĐXX và những người tham gia tố tụng:* Tòa án nhân dân quận H thụ lý đơn khởi kiện của Ngân hàng S là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý cho đương sự và Viện kiểm sát đúng quy định tại Khoản 1 Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự; Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Ngày 19/3/2024, Tòa án thụ lý vụ án, ngày 28/5/2024, Thẩm phấn ra quyết định đưa vụ án ra xét xử là đảm bảo quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a Khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự;Về việc tống đạt các quyết định và văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đảm bảo quy định tại Điều 177, 178, 220 Bộ luật Tố tụng dân sự; Về tổ chức phiên hòa giải và phiên họp công khai chứng cứ: Thẩm phán đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự; Quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của thẩm phán, thư ký quy định tại Điều 48, Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa dân sự sơ thẩm. Việc tuân theo Pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng; bị đơn chưa chấp hành chưa đầy đủ quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 117, 119, 317, 320, 323, 357, 463, 466 Bộ luật dân sự; Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S đối với Bà Nguyễn Thị T: buộc Bà Nguyễn Thị T phải thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử 26/06/2024 là 187.323.435 đồng(trong đó nợ gốc: 59.074.115 đồng, Nợ lãi quá hạn: 128.249.320 đồng); Bà T tiếp tục phải thanh toán khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 27/06/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp, về thẩm quyền:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn - Ngân hàng S khởi kiện bị đơn bà Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1990; HKTT: Căn hộ 1438. Tòa nhà HH1C, L, phường H, quận H, H; Quá trình tống đạt các văn bản pháp luật Tòa án xác minh được bị đơn đã chuyển đến sinh sống tại địa chỉ: 256/143 N, phường T, quận H, H.

Ngân hàng S yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng thẻ tín dụng số thẻ 436438-1327 đã được ký kết giữa Ngân hàng và Bà Nguyễn Thị T. Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp dân sự về Hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H, thành phố H.

[1.2].Về sự vắng mặt của đương sự:

Tòa án nhân dân quận H đã triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia phiên tòa; tuy nhiên bị đơn Bà Nguyễn Thị T vắng mặt không có lý do.Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng:

Xét hình thức và nội dung của Hợp đồng thẻ tín dụng số thẻ 436438-1327:

Ngân hàng S và Bà Nguyễn Thị T xác lập quan hệ tín dụng thông qua Hợp đồng thẻ tín dụng số thẻ 436438-1327.

Về chủ thể tham gia ký kết Hợp đồng tín dụng trên là người đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng S và Bà Nguyễn Thị T- là người có đủ năng lực hành vi dân sự xác lập, thực hiện.

Xét Hợp đồng thẻ tín dụng số thẻ 436438-1327 được xác lập trên cơ sở tự nguyện của các bên tham gia, mục đích giao kết không vi phạm điều cấm

của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức, nội dung phù hợp với các quy định tại Điều 117, Điều 119, Điều 398, Điều 399, Điều 400, Điều 401, Điều 402 của Bộ luật dân sự vì vậy Hợp đồng tín dụng nêu trên có hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện

Nguyên đơn Ngân hàng S yêu cầu buộc bị đơn Bà Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm thanh toán số nợ tạm tính đến ngày 26/6/2024 là 187.323.435 đồng (*trong đó:* Nợ gốc: 59.074.115 đồng đồng; Lãi quá hạn: .128.249.320 đồng. Ngoài ra Bà T vẫn còn phải tiếp tục trả khoản lãi phát sinh từ ngày 27/06/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng thẻ tín dụng số thẻ 436438-1327. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.2.1] Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc:

Căn cứ Hợp đồng thẻ tín dụng số thẻ 436438-1327 (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ kiêm Hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ Tín dụng của Ngân hàng) được Ngân hàng S phê duyệt ngày 16/01/2017 thì giữa chủ thẻ chính là Bà Nguyễn Thị T và bên phát hành thẻ là Ngân hàng S có thỏa thuận việc cấp và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế với hạn mức sử dụng là: 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Căn cứ các Bảng tóm tắt sao kê do Ngân hàng S sao kê chi tiết giao dịch của Bà Nguyễn Thị T do Ngân hàng S cung cấp thì Bà T kích hoạt thẻ và bắt đầu sử dụng thẻ từ tháng 31/01/2018 đến tháng 31/7/2019 và đều có thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng S. Trong thời gian sử dụng thẻ Bà T thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là **753.786.541** đồng. Bà T đã thanh toán cho Ngân hàng S số tiền **713.000.000** đồng (Thứ tự thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, kể từ ngày chuyển nợ quá hạn sẽ thanh toán theo thứ tự gốc trước, lãi sau) .

Sau khi trừ hết các khoản trên theo thứ tự thì số tiền gốc còn lại là **59.074.155** đồng. Kể từ tháng 31/12/2019 đến nay Bà T không trả nợ cho Ngân hàng thêm bất kì khoản tiền nào khác.

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn…"* Căn cứ Điều 280 Bộ luật Dân sự quy định: "*1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận. 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc…".*

Căn cứ Điều 23 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng quy định "*… số tiền thanh toán sẽ được ưu tiên trừ vào các khoản phí, lãi trước sau đó sẽ trừ tiếp vào các khoản giao dịch.*" Căn cứ Điều 2 của

bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng quy định "*… Chủ thẻ có trách nhiệm đối với việc thanh toán tất cả giao dịch và tất cả các khoản phí, chi phí phát sinh…. .*" Căn cứ Khoản 1, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định: *"Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng".*

Xét Bị đơn – Bà Nguyễn Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù đã được Ngân hàng thông báo nhắc nợ nhiều lần nhưng phía bị đơn vẫn không có thiện chí thanh toán đầy đủ nợ cho Ngân hàng là đã vi phạm các điều khoản thỏa thuận đã ký kết trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Do đó việc Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu Bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc 59.074.115 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[2.2.2] Đối với yêu cầu trả tiền lãi quá hạn (tạm tính đến ngày xét xử 26/06/2024) là quá hạn: 128.249.320 đồng và buộc Bà Nguyễn Thị T phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng S. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự quy định: "*… 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc...".*

Căn cứ Khoản 2, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng qui định: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".*

Căn cứ Điều 20 bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng quy định: *"Thanh toán sẽ áp dụng theo thứ tự sau: các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước …".*

Căn cứ Điều 23 bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng quy định: *"Áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại) …".*

Xét trong quá trình thanh toán nợ cho Ngân hàng, bị đơn Bà Nguyễn Thị T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản nợ của Bà T sang nợ quá hạn kể từ ngày 01/12/2019 là phù hợp.

Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của Nguyên đơn Ngân hàng S về việc buộc bị đơn Bà Nguyễn Thị T phải trả tiền lãi (tạm tính đến ngày 26/6/2024): 128.249.320 đồng và buộc Bà T phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của

Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng S là có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng S được chấp nhận nên bị đơn Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.366.177 đồng.

Hoàn trả cho Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án quận H.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 357, Điều 398, Điều 399, Điều 400, Điều 401, Điều 402; Điều 429; Điều 463, Khoản 1 Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự

Căn cứ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

***Tuyên xử:**

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S đối với Bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng thẻ tín dụng số thẻ 436438-1327.

Buộc Bà Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng S số tiền: 187.323.435 đồng (trong đó: Nợ gốc: 59.074.115 đồng; Lãi quá hạn: 128.249.320 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,

7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.366.172 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng S số tiền án phí đã tạm nộp là 3.700.000 đồng theo biên lai thu số 0011279 ngày 15/3/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận H ,thành phố H.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP H;
- Viện kiểm sát quận H;
- Thi hành án quận H;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

H

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**